

Đề minh họa năm 2019 môn Địa Lí có đáp án

A. Đề minh họa năm 2019 môn Địa lí có đáp án

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KỲ THI TRUNG HỌC PHỔ THÔNG QUỐC GIA NĂM 2019

ĐỀ THI THAM KHẢO

(Đề thi có 04 trang)

Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI

Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Mã đề thi 001

Câu 41. Vùng đất Việt Nam gồm toàn bộ phần đất liền và các

- A. hải đảo. B. đảo ven bờ. C. đảo xa bờ. D. quần đảo.

Câu 42. Biện pháp nào sau đây được sử dụng trong bảo vệ đất ở đồng bằng nước ta?

- A. Làm ruộng bậc thang. B. Chống nhiễm mặn. C. Trồng cây theo băng. D. Đào hố kiềng vẩy cá.

Câu 43. Nơi nào sau đây ở nước ta có động đất biểu hiện rất yếu?

- A. Tây Bắc. B. Đông Bắc. C. Miền Trung. D. Nam Bộ.

Câu 44. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp biển?

- A. Cà Mau. B. Điện Biên. C. Hà Giang. D. Gia Lai.

Câu 45. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hồ Trị An thuộc lưu vực hệ thống sông

- A. Đồng Nai. B. Thu Bồn. C. Mã. D. Cà.

Câu 46. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nơi nào sau đây có lượng mưa lớn nhất vào tháng X?

- A. Lạng Sơn. B. Đồng Hới. C. Nha Trang. D. Đà Lạt.

Câu 47. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, dãy núi thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

- A. Pu Sam Sao. B. Pu Đen Đinh. C. Phu Luông. D. Đông Triều.

Câu 48. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào sau đây thuộc tỉnh Quảng Trị?

- A. Hồng Lĩnh. B. Đồng Hới. C. Cửa Lò. D. Đồng Hà.

Câu 49. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết trâu được nuôi nhiều nhất ở tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Trị. B. Ninh Bình. C. Nghệ An. D. Hà Tĩnh.

Câu 50. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp Hải Phòng **không** có ngành chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây?

- A. Chè, cà phê, thuốc lá, hạt điều. B. Rượu, bia, nước giải khát.
C. Đường sữa, bánh kẹo. D. Sản phẩm chăn nuôi.

Câu 51. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 19 nối Pleiku với nơi nào sau đây?

- A. Quy Nhơn. B. Tuy Hòa. C. Quảng Ngãi. D. Nha Trang.

Câu 52. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có giá trị sản xuất lớn nhất ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Cẩm Phả. B. Hạ Long. C. Thái Nguyên. D. Việt Trì.

Câu 53. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết nhà máy thủy điện nào sau đây thuộc Tây Nguyên?

- A. Vĩnh Sơn. B. A Vương. C. Sông Hinh. D. Yaly.

Câu 54. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có các ngành cơ khí, đóng tàu?

- A. Rạch Giá. B. Cà Mau. C. Kiên Lương. D. Long Xuyên.

Câu 55. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với dải đồng bằng ven biển miền Trung?

- A. Biển đóng vai trò hình thành chủ yếu. B. Đất thường nghèo, có ít phù sa sông.
C. Ở giữa có nhiều vùng trũng rộng lớn. D. Hẹp ngang và bị các dãy núi chia cắt.

Câu 56. Đồng bằng nước ta tập trung dân cư đông đúc là do

- A. địa hình bằng phẳng, chủ yếu trồng lúa. B. nhiều dân tộc sinh sống, diện tích đất rộng.
C. chủ yếu trồng lúa, nhiều dân tộc sinh sống. D. diện tích đất rộng, có nhiều khoáng sản.

Câu 57. Phát biểu nào sau đây đúng với đô thị hóa ở nước ta hiện nay?

- A. Tỷ lệ dân thành thị không thay đổi. B. Số đô thị giống nhau ở các vùng.
C. Số dân ở đô thị nhỏ hơn nông thôn. D. Trình độ đô thị hóa còn rất thấp.

Câu 58. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về sản xuất thủy sản của nước ta hiện nay?

- A. Diện tích nuôi trồng được mở rộng. B. Sản phẩm qua chế biến càng nhiều.
C. Đánh bắt ở ven bờ được chú trọng. D. Phương tiện sản xuất được đầu tư.

Câu 59. Điều kiện thuận lợi để phát triển giao thông đường biển ở nước ta là

- A. có nhiều cảng nước sâu và cụm cảng quan trọng.
B. khối lượng hàng hóa luân chuyển tương đối lớn.
C. đường bờ biển dài, nhiều vũng, vịnh rộng, kín gió.
D. các tuyến đường ven bờ chủ yếu hướng bắc - nam.

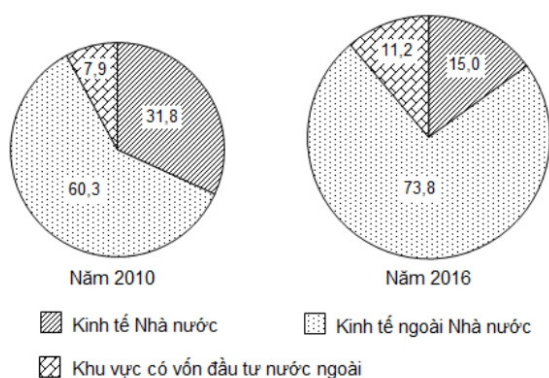
Câu 60. Ý nghĩa chiến lược của các đảo và quần đảo nước ta về kinh tế là

- A. căn cứ để tiến ra khai thác nguồn lợi biển. B. cơ sở để khẳng định chủ quyền vùng biển.
C. tạo thành hệ thống tiền tiêu bảo vệ đất liền. D. làm điểm tựa để bảo vệ an ninh quốc phòng.

Câu 61. Thế mạnh nổi bật của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung nước ta là

- A. cơ sở hạ tầng khá hoàn thiện và đồng bộ. B. khai thác tổng hợp biển, rừng, khoáng sản.
C. có lịch sử khai thác lãnh thổ từ rất lâu đời. D. khoáng sản, nguyên, nhiên liệu phong phú.

Câu 62. Cho biểu đồ:



CƠ CẤU DOANH THU DU LỊCH LỮ HÀNH PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA, NĂM 2010 VÀ NĂM 2016 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu doanh thu du lịch lữ hành phân theo thành phần kinh tế của nước ta năm 2016 so với năm 2010?

- A. Kinh tế ngoài Nhà nước giảm, kinh tế Nhà nước tăng.
B. Kinh tế Nhà nước giảm, kinh tế ngoài Nhà nước tăng.
C. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng, kinh tế Nhà nước tăng.
D. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm, kinh tế Nhà nước giảm.

Câu 63. Phát biểu nào sau đây đúng với tự nhiên Đông Nam Á lục địa?

- A. Chủ yếu là đồng bằng ven biển nhỏ hẹp. B. Nhiều đồi núi và núi lửa, sông ngòi ngắn.
C. Tập trung rất nhiều đảo và các quần đảo. D. Có khí hậu chủ yếu là nhiệt đới gió mùa.

Câu 64. Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA, NĂM 2017

(Đơn vị: Triệu người)

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin	Thái Lan
Tổng số dân	264,0	31,6	105,0	66,1
Dân số thành thị	143,9	23,8	46,5	34,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh tỉ lệ dân thành thị của một số quốc gia, năm 2017?

- A. Ma-lai-xi-a cao hơn In-đô-nê-xi-a. B. Thái Lan thấp hơn Phi-lip-pin.
C. Thái Lan cao hơn Ma-lai-xi-a. D. In-đô-nê-xi-a thấp hơn Phi-lip-pin.

Câu 65. Vị trí nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến nên có

- A. hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh trong năm. B. gió mùa Đông Bắc hoạt động ở mùa đông.
C. tổng lượng mưa lớn, độ ẩm không khí cao. D. một mùa có mưa nhiều và một mùa mưa ít.

Câu 66. Phát biểu nào sau đây đúng với xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta hiện nay?

- A. Tốc độ chuyển dịch diễn ra còn chậm. B. Nhà nước quản lí các ngành then chốt.
C. Đáp ứng đầy đủ sự phát triển đất nước. D. Còn chưa theo hướng công nghiệp hóa.

Câu 67. Chuyển môn hóa sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở vùng nông nghiệp Bắc Trung Bộ chủ yếu dựa vào điều kiện thuận lợi nào sau đây?

- A. Đất badan màu mỡ ở vùng đồi trước núi. B. Đất cát pha ở các đồng bằng ven biển.
C. Dân có kinh nghiệm chinh phục tự nhiên. D. Có một số cơ sở công nghiệp chế biến.

Câu 68. Chế biến lương thực, thực phẩm là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta chủ yếu do có

- A. sản phẩm phong phú, hiệu quả kinh tế cao, phân bố rộng khắp.
B. cơ cấu đa dạng, thúc đẩy nông nghiệp phát triển, tăng thu nhập.
C. tỉ trọng lớn nhất, đáp ứng nhu cầu rộng, thu hút nhiều lao động.
D. thế mạnh lâu dài, hiệu quả cao, thúc đẩy ngành khác phát triển.

Câu 69. Giải pháp chủ yếu để thúc đẩy phát triển các khu công nghiệp tập trung ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. mở rộng các thị trường xuất khẩu. B. thu hút các nguồn vốn đầu tư.
C. phát triển khoa học công nghệ. D. nâng cao trình độ người lao động.

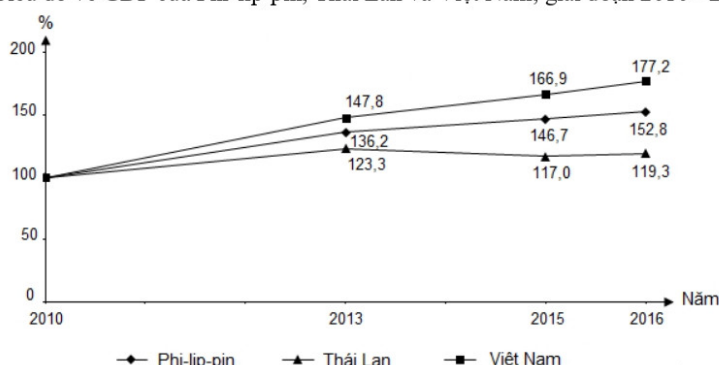
Câu 70. Ý nghĩa chủ yếu của việc đa dạng hóa cơ cấu cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

- A. nâng cao chất lượng sản phẩm. B. tăng cao khối lượng nông sản.
C. sử dụng hợp lí các tài nguyên. D. nâng cao đời sống người dân.

Câu 71. Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho mức tiêu thụ điện bình quân đầu người ở Đông Nam Á còn thấp?

- A. Ngành điện hoạt động còn hạn chế. B. Công nghiệp chưa phát triển mạnh.
C. Trình độ đô thị hóa còn chưa cao. D. Chất lượng cuộc sống dân cư thấp.

Câu 72. Cho biểu đồ về GDP của Phi-lip-pin, Thái Lan và Việt Nam, giai đoạn 2010 - 2016:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu GDP của Phi-lip-pin, Thái Lan và Việt Nam, giai đoạn 2010 - 2016.
B. Giá trị GDP của Phi-lip-pin, Thái Lan và Việt Nam, giai đoạn 2010 - 2016.
C. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Phi-lip-pin, Thái Lan và Việt Nam, giai đoạn 2010 - 2016.
D. Tốc độ tăng trưởng GDP của Phi-lip-pin, Thái Lan và Việt Nam, giai đoạn 2010 - 2016.

Câu 73. Nguyên nhân chủ yếu làm tăng thêm tính bất bình đẳng của nông nghiệp nước ta là

- A. khí hậu phân hóa theo Bắc - Nam và theo độ cao.
B. địa hình, đất trồng, sông ngòi có sự phân hóa rõ.
C. thiên nhiên mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.
D. đất trồng có nhiều loại và sinh vật rất phong phú.

Câu 74. Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho ngành du lịch nước ta phát triển nhanh trong thời gian gần đây?

- A. Nhu cầu du lịch tăng, có nhiều di sản thế giới.
- B. Tài nguyên du lịch phong phú, cơ sở lưu trú tốt.
- C. Chính sách phát triển, nhu cầu về du lịch tăng.
- D. Thu hút nhiều vốn đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng.

Câu 75. Yếu tố nào sau đây là chủ yếu làm cho chăn nuôi bò sữa ở Trung du và miền núi Bắc Bộ gần đây được phát triển?

- A. Cơ sở hạ tầng phát triển, nguồn thức ăn được đảm bảo.
- B. Nguồn thức ăn được đảm bảo, nhu cầu thị trường tăng.
- C. Nhu cầu thị trường tăng, nhiều giống mới năng suất cao.
- D. Nhiều giống mới năng suất cao, cơ sở hạ tầng phát triển.

Câu 76. Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Đồng bằng sông Hồng nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

- A. Tăng trưởng kinh tế nhanh; giải quyết tốt các vấn đề xã hội, môi trường.
- B. Đẩy nhanh công nghiệp hóa và hiện đại hóa; giải quyết vấn đề việc làm.
- C. Phát huy các tiềm năng có sẵn; giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường.
- D. Phát triển nhanh đô thị hóa; giải quyết vấn đề về tài nguyên, môi trường.

Câu 77. Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho công nghiệp của Bắc Trung Bộ còn chậm phát triển?

- A. Nguồn vốn và kỹ thuật còn hạn chế.
- B. Cơ sở hạ tầng chưa thật hoàn thiện.
- C. Trình độ người lao động chưa cao.
- D. Tài nguyên khoáng sản ít đa dạng.

Câu 78. Giải pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp ở Đông Nam Bộ là

- A. tiến hành cải tạo đất đai, mở rộng diện tích canh tác.
- B. mở rộng diện tích canh tác, xây dựng công trình thủy lợi.
- C. xây dựng công trình thủy lợi, thay đổi cơ cấu cây trồng.
- D. thay đổi cơ cấu cây trồng, tiến hành cải tạo đất đai.

Câu 79. Hạn chế chủ yếu trong sử dụng hợp lý và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. địa hình thấp, lũ kéo dài, có các vùng đất rộng lớn bị ngập sâu.
- B. một số loại đất thiếu dinh dưỡng hoặc quá chặt, khó thoát nước.
- C. phần lớn diện tích là đất phèn, đất mặn; có một mùa khô sâu sắc.
- D. sông ngòi, kênh rạch chằng chịt; bề mặt đồng bằng bị cắt xẻ lớn.

Câu 80. Cho bảng số liệu:

KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA LUÂN CHUYỂN PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA,
GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

(Đơn vị: Triệu tấn.km)

Năm	2010	2014	2016	2017
Kinh tế Nhà nước	157359,1	150189,1	152207,2	155746,9
Kinh tế ngoài Nhà nước	57667,7	70484,2	86581,3	98756,3
Khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	2740,3	2477,8	2588,4	2674,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu khối lượng hàng hóa luân chuyển phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền.
- B. Tròn.
- C. Đường.
- D. Kết hợp.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

B. Gợi ý đáp án chi tiết môn Địa Lí năm 2019

Đáp án:

41. A.	42. B	43. D	44. A	45. A	46. B
47. D	48. D	49. C	50. A	51. A	52. B
53. D	54. A	55. C	56. A	57. C	58. C
59. C	60. A	61. B	62. B	63. D	64. A
65. A	66. A	67. A	68. D	69. B	70. C
71. B	72. D	73. C	74. C	75. B	76. A
77. A	78. C	79. C	80. A		

Hướng dẫn giải chi tiết:

Câu 41:

Vùng đất Việt Nam gồm toàn bộ phần đất liền và các hải đảo (Sgk Địa Lí 12 trang 13)

⇒ **CHỌN A.**

Câu 42:

Biện pháp được sử dụng trong bảo vệ đất ở đồng bằng nước ta là thâm canh, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, canh tác hợp lí, chống bạc màu, glay, nhiễm mặn, nhiễm phèn, chống ô nhiễm đất....

⇒ **CHỌN B.**

Chú ý: các đáp án còn lại là biện pháp bảo vệ đất ở vùng đồi núi

Câu 43:

Ở nước ta Tây Bắc là khu vực có hoạt động động đất mạnh nhất, rồi đến khu vực Đông Bắc. Khu vực miền Trung ít động đất hơn, còn Nam Bộ biểu hiện động đất rất yếu. (Sgk Địa Lí 12 trang 64)

⇒ **CHỌN D.**

Câu 44:

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4,5 tỉnh Cà Mau giáp biển

⇒ **CHỌN A.**

Câu 45:

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hồ Trị An thuộc lưu vực hệ thống sông Đồng Nai

⇒ **CHỌN A.**

Câu 46:

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, Đồng Hới có đỉnh mưa vào tháng 10

⇒ **CHỌN B.**

Câu 47:

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, dãy núi thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là dãy Đông Triều

⇒ **CHỌN D.**

Câu 48:

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, Đông Hà thuộc tỉnh Quảng Trị

⇒ **CHỌN D.**

Câu 49:

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, trâu được nuôi nhiều nhất ở tỉnh Nghệ An (cột màu xanh lá cao nhất trong các tỉnh đã cho)

⇒ **CHỌN C.**

Câu 50:

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, trung tâm công nghiệp Hải Phòng không có ngành chế biến chè, cà phê, thuốc lá, hạt điều

⇒ **CHỌN A.**

Câu 51:

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, đường số 19 nối Pleiku với Quy Nhơn

⇒ **Chọn A.**

Câu 52:

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, trung tâm công nghiệp nào sau đây có giá trị sản xuất lớn nhất ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là Hạ Long, quy mô từ 9 đến 40 ngàn tỉ đồng.

⇒ **CHỌN B.**

Câu 53:

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, nhà máy thủy điện Yaly thuộc tỉnh Tây Nguyên

⇒ **CHỌN D.**

Câu 54:

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, trung tâm công nghiệp Rạch Giá có cả ngành cơ khí và ngành đóng tàu

⇒ **CHỌN A.**

Câu 55:

Dải đồng bằng ven biển miền Trung có tổng diện tích khoảng 26 nghìn km². Biển đóng vai trò chủ yếu trong quá trình hình thành dải đồng bằng này nên đất ở đây thường nghèo, nhiều cát, ít phù sa sông. Đồng bằng

phần nhiều hẹp ngang và bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ (do các dãy núi ăn ra sát biển chia cắt đồng bằng) (sgk Địa lý 12 trang 33)

⇒ “Ở giữa có nhiều vùng trũng rộng lớn” không phải đặc điểm của đồng bằng ven biển miền Trung.

⇒ **CHỌN C.**

Câu 56:

Đồng bằng nước ta tập trung dân cư đông đúc chủ yếu do địa hình tương đối bằng phẳng, thuận lợi cho cư dân sinh hoạt và sản xuất. Bên cạnh đó người dân ở vùng đồng bằng nước ta có truyền thống canh tác lúa nước lâu đời, đây là ngành cần nhiều lao động

⇒ **CHỌN A.**

Câu 57:

Đặc điểm đúng với đô thị hóa nước ta hiện nay là dân số đô thị (dân thành thị) nhỏ hơn số dân nông thôn. Năm 2007, số dân thành thị là 23,37 triệu người còn số dân nông thôn đạt 61,8 triệu người

⇒ **CHỌN C.**

Câu 58:

Đối với ngành thủy sản nước ta hiện nay, do nguồn lợi thủy sản ven bờ đang ngày càng chú trọng đánh bắt thủy sản xa bờ để vừa giúp khai thác tốt nguồn lợi thủy sản, vừa giúp bảo vệ vùng đất, vùng trời, vùng biển và thềm lục địa.

⇒ **CHỌN C.**

Câu 59:

Điều kiện thuận lợi để phát triển giao thông đường biển ở nước ta là đường bờ biển dài 3260km, nhiều vũng, vịnh kín gió và nhiều đảo, quần đảo ven bờ, rất thích hợp xây dựng cảng nước sâu và khai thác các tuyến hàng hải trong nước và quốc tế.

⇒ **CHỌN C.**

Câu 60:

Ý nghĩa chiến lược của các đảo và quần đảo nước ta về kinh tế là hệ thống căn cứ để khai thác có hiệu quả các nguồn lợi vùng biển, hải đảo và thềm lục địa.

⇒ **CHỌN A.**

Chú ý: các đáp án còn lại là ý nghĩa với bảo vệ an ninh, chủ quyền vùng biển

Câu 61:

Thế mạnh nổi bật của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung nước ta là khai thác tổng hợp biển, rừng, khoáng sản (trang 201 SGK Địa lý 12)

⇒ **CHỌN B.**

Câu 62:

Quan sát biểu đồ ta thấy:

- Tỷ trọng khu vực kinh tế nhà nước giảm mạnh từ 31,8% xuống 15%.
- Tỷ trọng khu vực kinh tế ngoài nhà nước tăng từ 60,3% lên 73,8%.
- Tỷ trọng khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng từ 7,9% lên 11,2%

⇒ Nhận xét B: kinh tế nhà nước giảm, kinh tế ngoài nhà nước tăng là nhận xét đúng với biểu đồ đã cho

⇒ **CHỌN B.**

Câu 63:

Đông Nam Á lục địa có khí hậu chủ yếu là nhiệt đới ẩm gió mùa (SGK Địa lý 11 – tự nhiên Đông Nam Á)

⇒ **CHỌN D.**

Câu 64:

Áp dụng công thức tính tỉ trọng: Tỉ trọng thành phần = (Giá trị thành phần/ Tổng giá trị) x 100 (%)

⇒ Ta có bảng sau: Tỉ lệ dân thành thị của các nước (%)

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin	Thái Lan
Tỉ lệ dân thành thị	54,5	75,3	44,3	51,4

⇒ Như vậy Ma-lai-xi-a có tỉ lệ dân thành thị cao hơn In-đô-nê-xi-a (75,3% > 54,5%)

⇒ **CHỌN A.**

Câu 65:

Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến nên có hai lần mặt trời lên thiên đỉnh trong năm (sgk Địa 12 trang 40)

⇒ **CHỌN A.**

Câu 66:

Xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta là: tốc độ chuyển dịch diễn ra còn chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới (sgk Địa 12 trang 83)

⇒ **CHỌN A.**

Câu 67:

Chuyên môn hóa sản xuất cây trồng công nghiệp lâu năm ở vùng nông nghiệp Bắc Trung Bộ chủ yếu dựa vào đất badan màu mỡ ở vùng đồi trước núi (sgk Địa 12 trang 107)

⇒ **CHỌN A.**

Câu 68:

Chế biến lương thực thực phẩm là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta chủ yếu do có thế mạnh lâu dài (sản phẩm từ ngành trồng trọt, chăn nuôi), hiệu quả kinh tế cao và thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển

⇒ **CHỌN D.**

Câu 69:

Giải pháp chủ yếu để phát triển các khu công nghiệp tập trung ở Duyên hải Nam Trung Bộ là thu hút các nguồn vốn đầu tư nước ngoài (sgk Địa 12 trang 163)

⇒ **CHỌN B.**

Câu 70:

Ý nghĩa chủ yếu của việc đa dạng hóa cơ cấu cây công nghiệp ở Tây Nguyên là vừa hạn chế những rủi ro trong tiêu thụ sản phẩm, vừa sử dụng hợp lý tài nguyên (sgk Địa 12 trang 170)

⇒ **CHỌN C.**

Câu 71:

Công nghiệp là ngành tiêu thụ nhiều điện năng cho sản xuất. Công nghiệp Đông Nam Á chưa phát triển mạnh nên sản lượng điện tiêu thụ chưa cao. Đây là nguyên nhân chủ yếu làm cho mức độ tiêu thụ điện bình quân đầu người ở Đông Nam Á thấp.

⇒ **CHỌN B.**

Câu 72:

Dựa vào kĩ năng nhận diện biểu đồ. Biểu đồ đường thường dùng để thể hiện tốc độ tăng trưởng kinh tế của các đối tượng trong nhiều năm (4 năm trở lên)

⇒ Biểu đồ đã cho thể hiện: tốc độ tăng trưởng GDP của Phi-lip-pin, Thái Lan và Việt Nam giai đoạn 2010 – 2016.

⇒ **CHỌN D.**

Câu 73:

Thiên nhiên nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa, thiên tai bão lũ hạn hán và giá rét, sương muối xảy ra hằng năm. Đây là khó khăn chủ yếu làm tăng thêm tính bất bình cho sản xuất nông nghiệp nước ta.

⇒ **CHỌN C.**

Câu 74:

Nguyên nhân chủ yếu làm cho ngành du lịch nước ta phát triển là nhờ chính sách phát triển, nhu cầu về du lịch tăng, (sgk Địa 12 trang 142)

⇒ **CHỌN C.**

Câu 75:

Trung du miền núi Bắc Bộ có nhiều đồng cỏ trên các cao nguyên, đây là điều kiện thuận lợi cho phát triển chăn nuôi bò sữa ở vùng. Mặt khác, nhu cầu tiêu thụ sữa ngày càng tăng (do đời sống người dân cao, vùng gần ĐBSH có nhu cầu lớn về sữa cũng thúc đẩy ngành chăn nuôi bò sữa TDMNB).

Ví dụ: vùng nuôi bò sữa ở Mộc Châu, Sơn La.

⇒ **CHỌN B.**

Câu 76:

Việc tăng trưởng chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Đồng bằng sông Hồng nhằm mục đích chủ yếu là tăng trưởng kinh tế nhanh, giải quyết tốt các vấn đề về xã hội và môi trường (sgk Địa 12 trang 153)

Câu 77:

Ở Bắc Trung Bộ, do những hạn chế về điều kiện kĩ thuật, vốn, nên cơ cấu công nghiệp của vùng chưa thật định hình và sẽ có nhiều biến đổi trong những thập kỉ tới (sgk Địa 12 trang 159)

Câu 78:

Giải pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp ở Đông Nam Bộ là xây dựng công trình thủy lợi và thay đổi cơ cấu cây trồng.

Ví dụ: Xây dựng các hồ thủy điện Dầu Tiếng, dự án thủy lợi Phước Hòa

⇒ **CHỌN C.**

Câu 79:

Hạn chế chủ yếu trong sử dụng và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long là mùa khô kéo dài từ tháng XII đến tháng IV năm sau. Vì thế nước mặn xâm nhập sâu vào đất liền, làm tăng độ chua và chua mặn trong đất. Phần lớn diện tích của đồng bằng là đất phèn, đất mặn. Cùng với sự thiếu nước trong mùa khô đã làm cho việc sử dụng và cải tạo đất gặp nhiều khó khăn (sgk Địa 12 trang 187).

⇒ **CHỌN C.**

Câu 80:

Dựa vào kĩ năng nhận diện biểu đồ, biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi cơ cấu nhiều năm (> 3) là biểu đồ miền

⇒ Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi cơ cấu khối lượng hàng hóa luân chuyển theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2010 – 2017 là biểu đồ miền

⇒ **CHỌN A.**